TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 306/2024/HS-PT
Ngày 15 tháng 4 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Thắng

Các Thẩm phán: Ông Phùng Hải Hiệp

Bà Đặng Thị Thơm

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Liên, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Minh, Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 30/2024/TLPT-HS ngày 08 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo Đỗ Minh T, do có kháng cáo của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 564/2023/HS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân nhân dân thành phố H.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Đỗ Minh T, sinh năm 1993 tại Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn T, xã M, Đ, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Chí T1 và bà Trịnh Thị D; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2009, bị truy tố về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự và ngày 25/12/2009, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh ra Quyết định đình chỉ vụ án do người bị hại rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự; đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/01/2023, tại Trại tạm giam số 1- Công an Thành phố H; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Đặng Văn S, Văn phòng L, Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

- Người bị hại có kháng cáo: Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1978; địa chỉ:

Số G, ngách A, ngõ A đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 05 năm 2021, thông qua mạng xã hội Facebook, Đỗ Minh T quen biết chị Lê Thị Thu H; T giới thiệu đang sống độc thân và làm nghề kinh doanh đầu tư tài chính, chứng khoán trên các trang Web "OS.com" và "OS600.com" khá thành đạt, có lợi nhuận cao; T rủ chị H góp vốn cùng tham gia đầu tư tài chính nhưng chị H từ chối. Ngày 25/11/2021, trang Web "OS.com và OS600.com" ngừng giao dịch và không cho người đầu tư rút tiền; nếu muốn rút được tiền thì nhà đầu tư phải xác thực tài khoản bằng hình thức nộp thêm 20% số tiền còn đầu tư có trong tài khoản của trang Web "OS.com và OS600.com". Tài khoản của T tại trang Web này còn khoảng 600.000.000 đồng, T sẽ phải nạp số tiền bằng 20% *(tương đương 120 triệu đồng)* vào trang Web "OS.com và OS600.com" để duy trì tài khoản; do không có tiền để nạp vào tài khoản nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chị Lê Thị Thu H.

Ngày 19/12/2021, T liên hệ với chị H và giới thiệu là đang kinh doanh hoa sáp, nến phục vụ dịp Lễ Noel và Tết năm 2022, có lợi nhuận cao từ 25% đến 30% trị giá đơn hàng; nếu chị H cùng góp vốn đầu tư thì lợi nhuận hai bên chia đôi; T có nhiều đơn của các khách hàng với số lượng lớn nhưng không đủ vốn để nhập hàng nên rủ chị H góp vốn kinh doanh.

Tin tưởng thông tin do T giới thiệu nên ngày 20/12/2021, chị H sử dụng tài khoản số 03300015000842 *(mang tên Lê Thị Thu H tại ngân hàng S1)* chuyển đến tài khoản số 0366261993 tại ngân hàng T3 của T là 140.000.000 đồng, nội dung *"dì H chuyển khoản tiền hoa"*. Để chị H tin tưởng nên ngày 21/12/2021, T chuyển 100.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng B số 214410003090132 mang tên Lê Minh H1 *(sinh năm 1998; trú tại: thôn P, xã M, Đ, Hà Nội; là bạn của T)* với nội dung *"Em T trả tiền cọc 200 thùng hoa"* và chuyển nội dung giao dịch này qua tin nhắn Zalo cho chị H xem. Sau đó, T liên hệ với H1 đề nghị chuyển lại 100.000.000 đồng này, H1 đã chuyển trả số tiền trên mà không biết mục đích việc chuyển tiền này.

T không sử dụng 140.000.000 đồng nhận từ chị H để mua hoa sáp kinh doanh mà chuyển toàn bộ tiền vào trang Web "OS.com và OS600.com" và rút ra được là 160.000.000 đồng. T thông báo với chị H là đơn hàng này có lợi nhuận là 28.000.000 đồng, T sẽ trả chị H số tiền gốc và 20.000.000 đồng lợi nhuận, chị H đồng ý nhưng T chỉ chuyển 120.000.000 đồng vào tài khoản số 68072988 của chị H tại ngân hàng V *(gồm 100.000.000 đồng tiền gốc, 20.000.000 đồng tiền lãi)* và còn nợ chưa chuyển là 40.000.000 đồng tiền gốc; chị H bảo T giao

40.000.000 đồng này cho cháu của chị H là chị Vương Lê Trà M *(sinh năm 1994; trú tại: thôn Y, xã Đ, G, Hà Nội)* vì chị H muốn giới thiệu Trà M cho T làm quen với nhau; sau đó, T không đưa tiền cho chị M hoặc chị H.

Ngày 22/12/2021, T vào trang Web "OS.com và OS600.com" để rút tiền thì bị báo lỗi với thông báo muốn rút tiền phải nộp tiền vào để xác nhận tài khoản; T tiếp tục nói dối chị H là có khách đặt 300 thùng hoa sáp, nến và đề nghị chị H chuyển tiền góp vốn; cùng ngày, chị H đã 03 lần chuyển tổng cộng 140.000.000 đồng đến tài khoản của T tại ngân hàng T3, nội dung *"dì H chuyển khoản tiền hoa".* T nạp hết số tiền này vào trang Web "OS.com và OS600.com" và rút ra được 150.000.000 đồng. T nhắn tin cho chị H với nội dung lãi của đơn hàng là 40.000.000 đồng và T sẽ trả chị H 200.000.000 đồng *(gồm: 20.000.000 đồng tiền lãi, 140.000.000 đồng tiền gốc mới và 40.000.000 đồng gốc cũ).* Ngày 23/12/2021, T chuyển vào tài khoản số 666000345555 của chị H tại ngân hàng S1 là 150.000.000 đồng; còn lại 50.000.000 đồng thì T nói sẽ trả cho chị H thông qua Trà M; đến nay, T chưa chuyển tiền cho Trà M hoặc chị H.

Chiều cùng ngày 22/12/2021, T tiếp tục đưa ra thông tin là có khách hàng đặt hoa sáp, nến với số lượng lớn *(mỗi thùng hàng hoa sáp, nến là 1.150.000 đồng, nếu bán ra theo giá 1.400.000 đồng thì sẽ lãi là 250.000 đồng/thùng).* T vào mạng xã hội, tải các mẫu Hóa đơn giá trị gia tăng về máy điện thoại của T và chỉnh sửa thành hóa đơn giá trị gia tăng số 123 ngày 23/12/2021 của Công ty Cổ phần T4 *(địa chỉ: số A dốc M, quận H, Hà Nội)* với nội dung: Đỗ Minh T đặt mua 1.100 thùng hoa sáp vĩnh cửu với giá 1.265.000.000 đồng; rồi T gửi hình ảnh hóa đơn qua Zalo cho chị H xem. Ngày 23/12/2021 và ngày 24/12/2021, chị H đã nhiều lần sử dụng các tài khoản của chị H tại Ngân hàng S1 *(số F và số C)* chuyển đến tài khoản tại ngân hàng T3 của T tổng cộng là 955.000.000 đồng; cụ thể: ngày 23/12/2021, chuyển 500.000.000 đồng với nội dung *"dì H chuyển khoản"*; ngày 24/12/2021, chuyển 455.000.000 đồng với nội dung *"dì H chuyển khoản tiền hoa".*

Đỗ Minh T không mua hoa sáp, nến như hứa hẹn mà chuyển toàn bộ tiền vào trang Web "OS.com và OS600.com" rồi bị thua lỗ hết, không rút được tiền ra. Chiều ngày 24/12/2021, T liên hệ với chị H thông báo đơn hàng có lãi là 370.000.000 đồng, T sẽ trả chị H là 1.150.000.000 đồng *(gồm: 185.000.000 đồng tiền lãi, 955.000.000 đồng tiền gốc mới và 10.000.000 đồng tiền gốc của đơn hàng cũ).* Khoảng 15 giờ ngày 24/12/2021, T vào mạng Internet tải hình ảnh giao dịch chuyển tiền thành công về máy điện thoại rồi tự chỉnh sửa nội dung giao dịch chuyển khoản: *"người nhận là chị H, người gửi là T, số tiền chuyển là 1.150.000.000 đồng"* và gửi qua Zalo cho chị H. Không thấy tin nhắn từ ngân hàng thông báo biến động số dư tài khoản nên chị H gọi điện thì T trả lời là ngày

nghỉ nên ngân hàng không làm việc.

Ngày 25/12/2021, chị H đến ngân hàng S1 xác minh thì được biết mã giao dịch chuyển tiền do T cung cấp là giả; chị H tìm gặp trực tiếp thì T nói thật đã sử dụng tiền vào mục đích cá nhân hết và hứa sẽ tác động gia đình để trả là 1.030.000.000 đồng *(bao gồm: 965.000.000 đồng còn chiếm đoạt, 57.000.000 đồng tiền công đi lại của chị H và 8.000.000 đồng do T đã vay cá nhân chị H).* T nhờ chị H nói với gia đình T còn nợ chị H 1.300.000.000 đồng để gia đình T sẽ trả tiền và T lấy thêm được 270.000.000 đồng nhằm chi tiêu cá nhân; ngày 25/12/2021, T viết giấy biên nhận với nội dung có nhận của chị H số tiền 1.300.000.000 đồng để buôn bán.

Sau đó, T đưa giấy biên nhận này cho bố, mẹ là ông Đỗ Chí T1 và bà Trịnh Thị D để trả nợ thay nhưng gia đình không có tiền trả; do nhiều lần đòi tiền không được nên ngày 20/7/2022 *(bút lục 110)*, chị H gửi đơn đến Công an huyện Đ tố giác Đỗ Minh T có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ngày 28/01/2023, Đỗ Minh T giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 33.300.000 đồng để khắc phục hậu quả; ngày 02/3/2023 *(bút lục 180),* Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng và trả lại cho chị Lê Thị Thu H số tiền 33.300.000 đồng nêu trên.

Tại Kết luận giám định số 5454 ngày 17/8/2023 (bút lục 179) của Phòng K - Công an thành phố H kết luận: Chữ viết, chữ ký đứng tên Đỗ Minh T trong giấy biên nhận ngày 25/12/2021 so với chữ viết, chữ ký của Đỗ Minh T trên mẫu so sánh là chữ do cùng một người viết và ký ra.

Sao kê các tài khoản ngân hàng thể hiện việc chuyển tiền và nhận tiền phù hợp với nội dung nêu trên.

Cơ quan điều tra xác minh tại Bộ T5; Phòng an ninh mạng và phòng chống tội phạm công nghệ cao Công an thành phố H về trang Web "OS.com và OS600.com" xác định: Hai trang Web nêu trên có trụ sở đặt ở nước ngoài nên không có thông tin để cung cấp.

Xác minh về Công ty T4 có địa chỉ thể hiện trên hóa đơn giá trị gia tăng tại: số A dốc M, quận H, Hà Nội xác định: Không có số nhà A; số A dốc M thuộc phường M, H, Hà Nội nhưng đã được giải tỏa từ năm 2019 để mở rộng đường M, không có Công ty T4 hoạt động kinh doanh tại địa chỉ trên.

Quá trình điều tra, Đỗ Minh T khai nhận: Do cần tiền để nạp vào trang Web "OS.com và OS600.com" nên T đã đưa ra thông tin gian dối là đang kinh doanh buôn bán hoa sáp, nến có lợi nhuận cao và rủ chị H góp vốn cùng kinh doanh; T tự tải hình ảnh hóa đơn giá trị gia tăng, giao dịch chuyển tiền trên

mạng Internet về máy điện thoại rồi chỉnh sửa nội dung thông tin người mua hàng là Đỗ Minh T, sửa giao dịch chuyển tiền thành công và chuyển qua Zalo các hình ảnh này để chị H tin tưởng; T đã chiếm đoạt của chị H là 1.235.000.000 đồng.

Đối với hành vi của Đỗ Minh T tự soạn thảo tin nhắn giao dịch chuyển tiền thành công giả và chỉnh sửa thông tin trên hóa đơn giá trị gia tăng để gửi tin nhắn hình ảnh cho chị H; Cơ quan điều tra không thu giữ được bản gốc các tài liệu này nên không đủ căn cứ xử lý đối với T về hành vi Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Cơ quan điều tra còn thu giữ của Đỗ Minh T 01 chiếc điện thoại Iphone 12 Pro Max màu trắng và 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus màu xám; kết quả kiểm tra điện thoại *(bút lục 106)* xác định các điện thoại di động nêu trên không chứa các dữ liệu liên quan đến vụ án. Đỗ Minh T khai nhận đã bán chiếc điện thoại cũ cho cửa hàng điện thoại *(không nhớ địa chỉ)* và mua các điện thoại mới nên các điện thoại mới mua không chứa các dữ liệu liên quan đến vụ án.

Người bị hại Lê Thị Thu H đề nghị xử lý nghiêm đối với Đỗ Minh T và yêu cầu bồi thường các khoản: 931.700.000 đồng còn bị chiếm đoạt, 8.000.000 đồng do T vay nợ cá nhân, 210.000.000 đồng lãi suất phát sinh từ khi bị chiếm đoạt cho đến nay và 50.300.000 đồng chi phí đi lại, thuê taxi.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 564/2023/HS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2023, Tòa án nhân nhân dân thành phố H quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Đỗ Minh T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đỗ Minh T 12 *(mười hai)* năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/01/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đỗ Minh T.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự:

- Buộc bị cáo Đỗ Minh T phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho chị Lê Thị Thu H là 931.700.000 *(chín trăm ba mươi mốt triệu, bảy trăm ngàn)* đồng.

- Dành quyền khởi kiện vụ án dân sự khác cho người bị hại Lê Thị Thu H đối với bị cáo Đỗ Minh T về tranh chấp bồi thường khoản lợi tức và chi phí ngăn chặn, hạn chế thiệt hại tài sản.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/12/2023, người bị hại Lê Thị Thu H kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo, làm rõ tình tiết bị cáo đầu thú và yêu cầu bị cáo bồi thường, khắc phục hậu quả theo quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo, không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ mới, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích, đánh giá về hành vi phạm tội của bị cáo; về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ được áp dụng đối với bị cáo, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đã kết luận: Việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo bị cáo Đỗ Minh T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và buộc bị cáo Đỗ Minh T phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho chị Lê Thị Thu H là 931.700.000 đồng là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo tiếp tục ăn năn hối cải, xin lỗi người bị hại, gia đình bị cáo đã nộp án phí sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị hại, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo không có ý kiến về mức hình phạt, điều khoản áp dụng của bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm cũng như trong suốt quá trình giả quyết vụ án, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu, gia đình bị cáo là người có công, gia đình bị cáo khó khăn. Bị cáo đã tác động đến gia đình trong thời gian tới sẽ có kế hoạch khắc phục cho người bị hại. Sau khi xét xử sơ thẩm, mức án tuyên cho bị cáo là nghiêm khắc nhưng bị cáo thấy được hành vi sai trái nên không kháng cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm để tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo tốt nhanh chóng trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo của người bị hại Lê Thị Thu H trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Lời khai nhận tội của bị cáo Đỗ Minh T tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm về diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo; phù hợp với lời khai của người bị hại và những người làm chứng, phù hợp các vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Đỗ Minh T làm nghề đầu tư tài chính và bị thua lỗ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chị Lê Thị Thu H; T đưa ra thông tin gian dối là đang kinh doanh hoa sáp, nến có lợi nhuận cao và có nhiều khách hàng đang đặt hàng với số lượng lớn nhưng T không đủ vốn để kinh doanh, nếu chị H đồng ý đầu tư thì lợi nhuận sẽ chia đôi; T vào mạng Internet tải hình ảnh hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty cổ phần T4, chỉnh sửa thông tin thể hiện người mua hàng là Đỗ Minh T *(đặt mua hoa sáp với số lượng lớn)* rồi chuyển qua Zalo cho chị H xem; T vào mạng Internet tải hình ảnh giao dịch chuyển tiền thành công về máy điện thoại rồi tự chỉnh sửa nội dung giao dịch chuyển khoản thành công rồi gửi hình ảnh qua Zalo cho chị H xem. Từ ngày 20/12/2021 đến ngày 24/12/2021, chị Lê Thị Thu H đã nhiều lần chuyển tiền cho T qua tài khoản ngân hàng T6 là 1.235.000.000 đồng; T đã chiếm đoạt toàn bộ 1.235.000.000 đồng nêu trên và nạp vào tài khoản trên trang Web *"OS.com và OS600.com"* để đầu tư tài chính rồi bị thua lỗ, chỉ trả lại cho chị H số tiền là 270.000 đồng.

Với hành vi và hậu quả do Đỗ Minh T gây ra, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã tuyên bị cáo Đỗ Minh T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" thuộc trường hợp "chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường 931.700.000 đồng còn chiếm đoạt theo quy định tại các Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự.

[3] Xét kháng cáo của người bị hại:

[3.1] Đối với kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo:

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Quá trình điều tra và tại phiên toà sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo Đỗ Minh T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, xin lỗi người bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo Đỗ Minh T là đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương và gây tâm lý hoang mang, bất bình trong dư luận nhân dân. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo phạm tội lần đầu, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, đầu thú, ông nội của bị cáo (ông Đỗ Chí T2) có công với Cách M1 và được tặng thưởng Huân chương kháng

chiến hạng Ba, tự nguyện bồi thường và khắc phục một phần hậu quả, nên mức xử phạt bị cáo như Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định là đã đủ tính nghiêm minh và đủ sức răn đe, cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Do đó, kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo của người bị hại là không có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Đối với kháng cáo yêu cầu làm rõ tình tiết tự ra đầu thú của bị cáo:

Tại Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra tự thú/đầu thú ngày 18/11/2023 của Công an huyện Đ, thành phố Hà Nội (BL61) thể hiện Đỗ Minh T thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú, sau khi biết bị Cơ quan điều tra triệu tập, T đến Cơ quan điều tra có đơn xin đầu thú (BL60) mong được hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Đỗ Minh T là có cơ sở. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo này của người bị hại là không có căn cứ để chấp nhận.

[3.3] Đối với kháng cáo yêu cầu bị cáo bồi thường, khắc phục hậu quả theo quyết định của bản án sơ thẩm:

Xét thấy, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án dân sự là người bị hại có quyền liên hệ với cơ quan thi hành có thẩm quyền để thi hành quyết định của bản án. Việc thi hành đối với phần trách nhiệm dân sự theo quyết định của bản án được thực hiện quy định tại Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 và Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự về nghĩa vụ trả tiền phải trả lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án theo các Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Việc thi hành bản án/quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án thuộc thẩm quyền của Cơ quan thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị hại, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Đỗ Minh T và mức bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm hại cho chị Lê Thị Thu H như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội và ý kiến của Luật sư tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị Thu H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại Lê Thị Thu H đối với bị cáo Đỗ Minh T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 564/2023/HS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân nhân dân thành phố H, cụ thể:

1. Tuyên bố bị cáo Đỗ Minh T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đỗ Minh T 12 *(mười hai)* năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/01/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đỗ Minh T.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Đỗ Minh T phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho chị Lê Thị Thu H là 931.700.000 *(chín trăm ba mươi mốt triệu, bảy trăm nghìn)* đồng.

2. Án phí: Người bị hại Lê Thị Thu H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT I – TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Bị cáo (qua TTG);
- Bị hại (theo đ/c);
- Lưu: HSVA, VP, P.HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Anh Thắng